

BIỂU SỐ 01

Chỉ số, khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

STT	Chỉ số		Kết quả tại thời điểm báo cáo			Kế hoạch cuối năm 2024		Nguồn thông tin
			Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
I	VỀ TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU							
1	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025)	Tỷ lệ hộ nghèo	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
2	Tỷ lệ hộ cận nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025)	Tỷ lệ cận nghèo	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
II	VỀ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN							
3	Thu nhập bình quân đầu người			VNĐ	VND/tháng	VNĐ	VND/tháng	Rà soát hộ nghèo, cận nghèo; Biểu số 03
5	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Xã thuộc huyện, thành phố		Số xã	%	Số xã	%	Biểu số 03
6	Tỷ lệ thôn, bản có đường trục giao thông được cứng hóa theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ GTVT	Thôn bản thuộc huyện, thành phố		Số thôn bản	%	Số thôn bản	%	Biểu số 03

STT	Chỉ số		Kết quả tại thời điểm báo cáo			Kế hoạch cuối năm 2024		Nguồn thông tin
			Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
7	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố		Số xã	%	Số xã	%	Biểu số 03
8	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nguồn nước sạch trong sinh hoạt	Huyện, thành phố	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
9	Xã có cơ sở vật chất trường học đạt mức 2 chuẩn quốc gia	Xã thuộc huyện, thành phố		Số xã	%	Số xã	%	Biểu số 03
10	Diện tích cây trồng hằng năm được tưới tiêu bởi hệ thống thủy lợi	Huyện, thành phố		Diện tích	%	Diện tích	%	Biểu số 03
11	Tỷ lệ vốn đầu tư cho công trình CSHT được sử dụng để trả công cho lao động địa phương	Huyện nghèo		Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%	Biểu số 04
12	Tỷ lệ vốn đầu tư cho công trình CSHT được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn	Huyện nghèo		Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%	Biểu số 04
13	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia dự án giảm nghèo (Dự án 2)	Huyện, thành phố	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 05
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ mới thoát nghèo					
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	

STT	Chỉ số		Kết quả tại thời điểm báo cáo			Kế hoạch cuối năm 2024		Nguồn thông tin
			Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
14	Tỷ lệ hộ gia đình tham gia dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3)	Huyện, thành phố	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 05
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ mới thoát nghèo					
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
15	Tỷ lệ hộ gia đình được tham gia tập huấn kỹ thuật trong dự án giảm nghèo (Dự án 2)	Huyện, thành phố	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 05
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ mới thoát nghèo					
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	
16	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng thấp còi trẻ dưới 5 tuổi	Huyện, thành phố		Số trẻ	%	Số trẻ	%	Biểu số 7
17	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng gầy còm trẻ dưới 5 tuổi	Huyện, thành phố		Số trẻ	%	Số trẻ	%	
18	Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng thấp còi trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi	Huyện, thành phố		Số trẻ	%	Số trẻ	%	
19	Số lao động được đào tạo nghề	Huyện, thành phố	Người thuộc hộ nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người	%	Biểu số 08
			Người thuộc hộ cận nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người	%	
			Người thuộc hộ mới thoát nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người	%	
			Khác	Số lượt người	%	Số lượt người	%	

STT	Chi số	Kết quả tại thời điểm báo cáo			Kế hoạch cuối năm 2024		Nguồn thông tin	
		Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ		
20	Số lao động được đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và làm các thủ tục xuất cảnh	Huyện, thành phố		Số lượt người	%	Số lượt người	%	Biểu số 09
21	Số lao động thuộc đối tượng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Huyện, thành phố	Chung	Số lượt người	%	Số lượt người	%	Biểu số 09
			Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Số lượt người	%	Số lượt người	%	
22	Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; kết nối việc làm	Huyện, thành phố		Số người	%	Số người	%	Biểu 10
23	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở	Hộ nghèo	Xây mới	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 11
			Sửa chữa	Số hộ	%	Số hộ	%	
		Hộ cận nghèo	Xây mới	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Sửa chữa	Số hộ	%	Số hộ	%	
24	Hộ được hỗ trợ giảm nghèo về thông tin, tiếp cận các dịch vụ viễn thông, internet	Huyện, thành phố	Chung	Số hộ	%	Số hộ	%	Biểu số 03, Biểu số 12, 13
			Hộ nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ cận nghèo	Số hộ	%	Số hộ	%	
			Hộ mới thoát nghèo					
			Hộ DTTS	Số hộ	%	Số hộ	%	

STT	Chỉ số		Kết quả tại thời điểm báo cáo			Kế hoạch cuối năm 2024		Nguồn thông tin
			Phân tổ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
25	Cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Huyện, thành phố		Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%	Biểu số 03, Biểu số 14
				Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	
				Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%	
26	Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương	Huyện, thành phố		Cụm		Cụm		Biểu số 12
27	Tỷ lệ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã; trưởng thôn, bản được tập huấn kiến thức nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Huyện, thành phố		Số lượt cán bộ	%	Số lượt cán bộ	%	Biểu số 03, Biểu số 14
				Số lượt cán bộ nữ	%	Số lượt cán bộ nữ	%	
				Số lượt cán bộ DTTS	%	Số lượt cán bộ DTTS	%	

BIỂU SỐ 02

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	2	3	4	5=4/3	6
A	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2,2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
II	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2,1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2,2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2,3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
B	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo					
1	<i>Tổng ngân sách, trong đó:</i>	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2,1	Số dự án, mô hình giảm nghèo được triển khai (theo từng dự án)					
2,2	Số người được hỗ trợ	Người				
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người				
C	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					
I	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp					
1	<i>Tổng ngân sách, trong đó:</i>	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2,1	Số dự án, mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai (theo từng dự án)					
2,2	Số người được hỗ trợ	Người				
2,3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người				
II	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng					
1	<i>Tổng ngân sách, trong đó:</i>	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	<i>Kết quả thực hiện</i>					
2,1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
2,2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
2,3	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
D	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					
I	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp					
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ xây dựng, mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, cơ sở vật chất từ nguồn vốn đầu tư phát triển	Số CSGDNN				
	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hỗ trợ mua sắm thiết bị, phương tiện đào tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất từ nguồn vốn sự nghiệp	Số CSGDNN				
2,2	Xây dựng các chuẩn, phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý					
	- Số lượng chuẩn được xây dựng	Ngành/ngành				
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia					
	+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực	người				
	+ Thi điểm đánh giá, cấp chứng chỉ	Người				
	+ Đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin	Người				
	- Kết quả thực hiện việc phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp					
	+ Tập huấn, bồi dưỡng cán bộ/nhà giáo về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng	Người				
	+ Thi điểm xây dựng mô hình	Mô hình				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên	Người				
	- Kết quả thực hiện việc phát triển chương trình, học liệu					
	+ Nghiên cứu xây dựng chương trình	Chương trình				
	+ Rà soát, cập nhật chỉnh sửa chương trình, tài liệu	Chương trình/môn học				
	- Kết quả thực hiện việc phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý					
	+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm, năng lực phát triển chương trình dạy học	Người				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề	Người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
	+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin	Người				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học	Người				
	+ Đào tạo theo chương trình khởi sự kinh doanh	Người				
	+ Đào tạo nâng cao năng lực cho người đào tạo trong doanh nghiệp	Người				
	+ Bồi dưỡng cho cán bộ quản lý cơ sở vật chất, thiết bị	Người				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý về nghiệp vụ, kỹ năng quản lý nhà nước, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp kỹ năng số, kỹ năng mềm, ngoại ngữ	Người				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa cán bộ làm công tác pháp chế, thanh tra	Người				
	+ Đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài cho cán bộ quản lý các cấp	Người				
2,3	Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm					
	- Số lượng cuộc điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu	Cuộc điều tra				
	- Kết quả, phương thức truyền thông, hướng nghiệp					
	+ Số sản phẩm tuyên truyền	bài				
	+ Số người được tư vấn hướng nghiệp	Người				
	- Kết quả thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm...					
	- Số hoạt động tổ chức	Cuộc				
2,4	Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã					
	Số mô hình được triển khai	Mô hình				
2,5	Đào tạo nghề cho người lao động					
	Tổng số người được đào tạo (chia từng đối tượng cụ thể).	Người				
	Người thuộc hộ nghèo	Người				
	Người thuộc hộ nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người				
	Người thuộc hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Người mới thoát nghèo	Người				
	Người thuộc hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo	Người				
	Khác	Người				
	Trên địa bàn huyện nghèo	Người				
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Hỗ trợ đào tạo					
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ					
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ):	Người				
c.	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
2,2	Tổng số lao động được hỗ trợ các chi phí khác trong quá trình đào tạo và các thủ tục xuất cảnh	Người				
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
2,3	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ					
2,4	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
	- Số lượt người được tư vấn	Người				
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện	Triệu đồng				
2,1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin					
a	Số lượng Trung tâm dịch vụ việc làm được hỗ trợ					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
b	Số lượng máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp	Máy móc/trang thiết bị				
c	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp	Phần mềm				
2,2	Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc					
a	Người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin	người				
	Trong đó:					
	- Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người				
	- Thuộc huyện nghèo	người				
	- Lao động nữ	người				
b	Người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Đơn vị				
2,3	Hỗ trợ giao dịch việc làm					
	- Số phiên giao dịch việc làm/ ngày hội việc làm	Phiên/ngày hội				
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị				
	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	người				
	+ Thuộc huyện nghèo	người				
	+ Lao động nữ	người				
2,4	Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư					
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Thuộc huyện nghèo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
2,5	Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động					
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc				
	- Phân tích/dự báo thị trường lao động	Án phẩm				
2,6	Hỗ trợ kết nối việc làm thành công					
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Thuộc huyện nghèo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
Đ	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới nhà ở	Hộ				
2,2	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp nhà ở hiện có	Hộ				
E	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
I	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, truyền truyền					
2.1.1	Số lượng lớp	Lớp				
2.1.2	Số lượng cán bộ	Cán bộ				
2,2	Phát triển các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại					
2.2.1	Thiết lập mới Cụm thông tin điện tử	Cụm				
2.2.2	Nâng cấp Cụm thông tin điện tử	Cụm				
2,3	Trang bị cho các đồn biên phòng hệ thống phương tiện, thiết bị phục vụ thông tin, tuyên truyền	Đồn				
2,4	Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã ở các xã					
2.4.1	Đầu tư thiết lập mới đài truyền thanh xã	Đài				
2.4.2	Nâng cấp, mở rộng đài truyền thanh xã	Đài				
2,5	Tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội					
2.5.1	Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội					
a	Các chương trình phát thanh, truyền hình. Trong đó:					
	- Số lượng chương trình phát thanh	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình	Chương trình				
b	Đối với báo in					
	- Số lượng ấn phẩm	Sản phẩm				
	- Số lượng tờ phát hành	Tờ				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
c	Đối với báo điện tử					
	- Số lượng bài/ảnh	bài/ảnh				
	- Số lượng file điện tử	(audio/video)				
	- Các hình thức khác					
d	Đối với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản phẩm)					
2.5.2	Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:					
a	Đối với xuất bản phẩm in					
	- Số đầu sách	đầu sách				
	- Số lượng sách	cuốn				
b	Đối với xuất bản phẩm điện tử					
	- Sách điện tử thông thường	Tác phẩm				
	- Sách nói.	Tác phẩm				
	- Sách Multimedia.	Tác phẩm				
	- Sách tóm tắt.	Tác phẩm				
2.5.3	Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng					
	- Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm				
	- Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm				
2.5.4	Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử					
	- Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm				
	- Số lượng sách nói	Tác phẩm				
	- Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm				
2.5.5	Các sản phẩm truyền thông khác					
II	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều					
1	Tổng ngân sách, trong đó:					
1,1	Ngân sách trung ương					
1,2	Ngân sách địa phương					
1,3	Huy động nguồn khác					
2	Kết quả thực hiện					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Kế hoạch năm 2025
				Kết quả thực hiện	% so với kế hoạch đầu năm	
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại				
	+ Số người tham gia đối thoại	Người				
G	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình					
I	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				

